TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 46/2018/DS-ST.
Ngày: 29-10-2018.
V/v tranh chấp: "Hợp đồng bảo lãnh"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hùng Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hùng.

2. Bà Phan Thị Bé Sáu.

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Như Ý, là Thư ký Toà án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân nhân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Bà Hồ Thị Thuần, Kiểm sát viên.

Ngày 29/10/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 129/2018/TLST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2018 về "Tranh chấp hợp đồng bảo lãnh" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2018/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2018/QĐST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Lê Phi T, sinh năm 1985, có mặt.

Địa chỉ: Ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1957, vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Nguyễn Thanh G, sinh năm 1984, có mặt.

Địa chỉ: Ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn anh Lê Phi T* trình bày:

Anh G có nợ tiền mua vật tư nông nghiệp của anh T số tiền 56.000.000 đồng, anh G hỏi mượn thêm anh T số tiền là 20.000.000 đồng, nên vào ngày 23/4/2015 (dương lịch) anh T yêu cầu ông Đ (cha vợ anh G) đứng ra bảo lãnh mới cho mượn, ông Đ có ký tên vào tờ bảo lãnh đứng ra bảo lãnh số tiền nợ cho anh G, cụ thể số tiền 20.000.000 đồng hẹn trả thời hạn 30 ngày kể từ ngày 23/4/2015 (dương lịch) đến 23/5/2015 (dương lịch), còn số tiền 56.000.000 đồng, hẹn trả đến ngày 30/8/2015 (âm lịch), đến hẹn anh G không trả thì ông Đ sẽ trả thay anh G, nhưng anh G chỉ trả cho anh T số tiền mượn là 20.000.000 đồng, còn tiền nợ vật tư nông nghiệp thì không trả cho anh T. Sau đó anh T có khiếu nại đến Ban nhân dân ấp K giải quyết thì chỉ có một mình anh G đến dự và thừa nhận có nợ tiền vật tư nông nghiệp của anh T là 56.000.000 đồng và tiền lãi là 9.000.000 đồng hứa sẽ trả hết cho anh T trong 3 đợt: ngày 15/9/2016 trả 25.000.000 đồng, ngày 15/12/2016 trả 20.0000.000 đồng và ngày 15/3/2017 trả 20.000.000 đồng nhưng anh G vẫn không thực hiện, anh T khởi kiện anh G và ông Đ ra Tòa án nhân dân huyện Tam Nông thì anh G có làm tờ cam kết hứa sẽ trả nợ cho anh T, anh T rút đơn khởi kiện lại để anh G và ông Đ có thời gian lo tiền trả cho anh T nhưng đến nay anh G vẫn chưa trả số tiền này. Do ông Đ đứng ra bảo lãnh số tiền này cho anh G nhưng nay anh G không có khả năng trả nợ cho anh T, do đó anh T yêu cầu ông Đ phải trả số tiền vật tư nông nghiệp mà ông Đ đứng ra bảo lãnh cho anh G là 56.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 23/4/2015 (dương lịch) đến ngày 29/10/2018 (dương lịch) với lãi suất 0,7%/tháng là 56.000.000 đồng x 42 tháng 6 ngày x 0,7%/tháng = 16.542.000 đồng, tổng cộng là 72.542.000 đồng. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

- *Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù Tòa án đã tống đạt các văn bản hợp lệ nhưng ông vẫn không đến Tòa án nhưng theo lời khai của ông tại hồ sơ trước đây trình bày:* Ông thừa nhận có ký tên vào tờ bảo lãnh ngày 23/4/2015 (dương lịch) để bảo lãnh cho anh G, nhưng ông chỉ bảo lãnh số tiền mượn 20.000.000 đồng chứ không bảo lãnh số tiền vật tư nông nghiệp 56.000.000 đồng cho anh G. Số tiền mượn 20.000.000 đồng anh G đã trả cho anh T do đó nghĩa vụ bảo lãnh của ông không còn. Nay anh T yêu cầu ông trả số tiền vật tư nông nghiệp mà ông bảo lãnh thay ông G là 56.000.000 đồng và tiền lãi ông không đồng ý.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thanh G trình bày*: Anh thừa nhận có ký tên vào tờ bảo lãnh ngày 23/4/2015 (dương lịch), ông Đ cũng có

ký tên vào tờ bảo lãnh nhưng ông Đ chỉ bảo lãnh số tiền mượn là 20.000.000 đồng và số tiền này anh đã trả xong. Còn số tiền vật tư nông nghiệp anh nợ 56.000.000 đồng thì anh chỉ thừa nhận thiếu khoảng hơn mười bảy triệu đồng (không nhớ số tiền cụ thể) nhưng anh không có giấy tờ hay chứng cứ gì chứng minh, anh cho rằng toàn bộ sổ sách mua bán giữa anh và anh T do anh T giữ, do anh làm ăn thua lỗ nên không có khả năng trả số tiền này cho anh T. Anh cho rằng số tiền 56.000.000 đồng là của anh nợ anh T, nhưng thực chất tiền gốc là khoảng hơn mười bảy triệu đồng, nay vì hoàn cảnh gia đình khó khăn anh xin trả số tiền gốc hơn mười bảy triệu đồng cho anh T hoặc anh giao 1,5 công kiệu (đang trồng khoảng 4 tháng) để trừ nợ, chứ ông Đ không liên quan đến số tiền này.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý và giải quyết của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ theo trình tự thủ tục quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự là đúng quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Nguyễn Văn Đ phải trả cho anh Lê Phi T số tiền bảo lãnh nợ vật tư nông nghiệp cho anh Nguyễn Thanh G là 56.000.000 đồng và tiền lãi theo yêu cầu của nguyên đơn là 0.7%/tháng tính từ ngày 23/4/2015 (dương lịch) đến ngày 29/10/2018 (dương lịch).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh T, địa chỉ tại ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp về việc tranh chấp hợp đồng bảo lãnh đối với ông Đ, địa chỉ: Ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Xét thấy, người khởi kiện có quyền khởi kiện và đã thực hiện đúng về thủ tục khởi kiện theo quy định tại các Điều 186, 188, 189, 190 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn địa chỉ ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Đ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2] Về quan hệ pháp luật: Tại phiên tòa hôm nay, anh T thay đổi yêu cầu khởi kiện là yêu cầu ông Đ trả số tiền vật tư nông nghiệp mà ông Đ đứng ra bảo lãnh cho anh G là là 56.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 23/4/2015 (dương lịch) đến ngày 29/10/2018 (dương lịch) với lãi suất 0,7%/tháng. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác nên xác định quan hệ pháp luật "Tranh chấp hợp đồng bảo lãnh" được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp: Xét thấy theo anh T cho rằng vào ngày 23/4/2015 (dương lịch) ông Đ cùng anh G cùng ký tên vào tờ bảo lãnh với nội dung ông Đ bảo lãnh cho anh G số tiền mượn của anh T là 20.000.000 đồng và tiền mua vật tư nông nghiệp là 56.000.000 đồng, nhưng anh G chỉ trả cho anh T được số tiền 20.000.000 đồng còn số tiền nợ vật tư nông nghiệp 56.000.000 đồng đến nay vẫn chưa trả. Do ông Đ đứng ra bảo lãnh cho anh G mà anh G không trả số tiền vật tư nông nghiệp cho anh T nên anh T yêu cầu ông Đ phải trả số tiền này thay cho anh G. Ông Đ thừa nhận có ký tên vào tờ bảo lãnh ngày 23/4/2015 (dương lịch) nhưng ông cho rằng chỉ bảo lãnh số tiền 20.000.000 đồng chứ không bảo lãnh số tiền vật tư nông nghiệp 56.000.000 đồng, ông cũng không biết vì sao trong tờ bảo lãnh ông ký do ông Huỳnh Văn S lập thì ông có bảo lãnh số tiền vật tư nông nghiệp 56.000.000 đồng, nay anh T yêu cầu thì ông không đồng ý trả. Trong quá trình giải quyết thì ông không chứng minh được ông chỉ bảo lãnh số tiền mượn 20.000.000 đồng, còn tiền vật tư nông nghiệp 56.000.000đồng ông không bảo lãnh.

Đối với anh G thì anh thừa nhận anh và ông Đ có ký tên vào tờ bảo lãnh ngày 23/4/2015 (dương lịch) nhưng ông Đ chỉ bảo lãnh số tiền mượn 20.000.000 đồng chứ không bảo lãnh tiền vật tư nông nghiệp 56.000.000 đồng. Đồng thời anh G chỉ thừa nhận còn thiếu tiền vật tư nông nghiệp của anh T khoảng hơn mười bảy triệu đồng (không nhớ chính xác số cụ thể) chứ không phải 56.000.000 đồng nhưng anh G không có giấy tờ hay chứng cứ gì chứng minh vì mọi giấy tờ mua bán là do anh T giữ. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh G không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh anh G thiếu anh T tiền vật tư nông nghiệp khoảng hơn mười bảy triệu đồng như lời anh trình bày, anh đồng ý trả số tiền gốc hơn mười bảy triệu đồng cho anh T hoặc anh giao 1,5 công kiệu (đang trồng khoảng 4 tháng) để trừ nợ. Anh T thì cho rằng việc mua bán vật tư nông nghiệp giữa anh và anh G có sổ sách nhưng sau khi làm tờ bảo lãnh ngày 23/4/2015 (dương lịch) thì toàn bộ sổ sách mua bán anh T đã hủy bỏ, không còn lưu lại. Đối với việc anh G thống nhất trả cho anh số tiền gốc hơn mười bảy triệu đồng hoặc giao 1,5 công kiệu (đang trồng khoảng 4 tháng) để trừ nợ anh không đồng ý vì anh G đã hứa hẹn trả cho anh rất nhiều lần nhưng không thực hiện đúng lời hứa, nay anh chỉ yêu cầu ông Đ trả theo tờ bảo lãnh mà ông Đ đã đứng ra bảo lãnh cho anh G.

Ngoài ra, theo lời khai của ông Huỳnh Văn S (thành viên tổ hòa giải) là người lập tờ bảo lãnh ngày 23/4/2015 (dương lịch), ông S cho rằng khi lập tờ bảo lãnh thì ông nghe anh T, ông Đ, anh G trình bày nội dung rồi ông mới lập, sau khi lập xong ông có đọc lại nội dung cho các bên nghe, các bên thống nhất nên mới ký tên vào tờ bảo lãnh, nội dung tờ bảo lãnh là ông Đ đứng ra bảo lãnh cho anh G số tiền mượn 20.000.000 đồng và tiền thiếu vật tư nông nghiệp 56.000.000 đồng anh G thiếu của anh T, nếu anh G không trả đúng hẹn thì ông Đ trả.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 335 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *"Bảo lãnh là việc người thứ ba (sau đây gọi là bên bảo lãnh) cam kết với bên có quyền (sau đây gọi là bên nhận bảo lãnh) sẽ thực hiện nghĩa vụ thay cho bên có nghĩa vụ (sau đây gọi là bên được bảo lãnh), nếu khi đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ"*. Ông Đ là người bảo lãnh nợ cho anh G nhưng anh G không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho anh T, do đó buộc ông Đ trả cho anh T số tiền anh G nợ anh T là phù hợp.

[4] Đối với yêu cầu tính lãi, anh T yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất là 0,7%/tháng đối với số tiền 56.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 23/4/2015 (dương lịch) là phù hợp theo Điều 336 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên chấp nhận.

Cụ thể như sau: 56.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 23/4/2015 (dương lịch) đến ngày 29/10/2018 (dương lịch) với lãi suất 0,7%/tháng cụ thể như sau: 56.000.000 đồng x 42 tháng 6 ngày x 0,7%/tháng = 16.542.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 72.542.000 đồng.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có ra thông báo cho ông Đ yêu cầu ông cung cấp ý kiến là có yêu cầu gì với anh G trong vụ án này không, nhưng ông Đ không cung cấp ý kiến cho Tòa án biết, do đó khi ông Đ có yêu cầu thì sẽ giải quyết thành một vụ án khác.

Từ những phân tích trên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của anh Lê Phi T đối với ông Nguyễn Văn Đ.

[6] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ ý kiến phát biểu về việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm giải quyết vụ án dân sự.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của anh T được chấp nhận. Cụ thể: 72.542.000 đồng x 5%/tháng = 3.627.000 đồng (Ba triệu sáu trăm hai mươi bảy nghìn đồng) nhưng do ông Đ là người cao tuổi nên được miễn nộp toàn bộ tiền án phí.

- Anh T không phải nộp tiền án phí, hoàn trả lại cho anh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.904.000 đồng (Một triệu chín trăm lẻ bốn nghìn đồng) theo biên lai thu số: BG/2015 0003601, ngày 16 tháng 5 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tam Nông.

- Anh G không phải nộp tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Các Điều 335, 336, 339, 340, 342 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Điểm đ, khoản 1 Điều 12 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của anh Lê Phi T đối với ông Nguyễn Văn Đ.

Buộc ông Nguyễn Văn Đ có nghĩa vụ trả cho anh Lê Phi T số tiền vật tư nông nghiệp bảo lãnh cho ông Nguyễn Thanh G là 56.000.000 đồng và tiền lãi 16.542.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 72.542.000 đồng (Bảy mươi hai triệu, năm trăm bốn mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong số tiền trên, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 3.627.000 đồng (Ba triệu sáu trăm hai mươi bảy nghìn đồng) nhưng do ông Nguyễn Văn Đ là người cao tuổi nên được miễn nộp toàn bộ tiền án phí.

- Anh Lê Phi T không phải nộp tiền án phí, hoàn trả lại cho anh Lê Phi T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.904.000 đồng (Một triệu chín trăm lẻ bốn nghìn đồng) theo biên lai thu số: BG/2015 0003601, ngày 16 tháng 5 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tam Nông.

- Anh Nguyễn Thanh G không phải nộp tiền án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, người yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hùng Cường